

Analysis of mistranslation and post editing of legal texts translated by artificial intelligence: taking the Vietnamese Chinese translation of the Vietnamese Labor Law as an example

Huizhen Nong Nengmei Pan

Guangxi Normal University for Nationalities, Chongzuo, Guangxi, 532200, China

Abstract

With the in-depth implementation of China's "Going Global" strategy and the "Belt and Road" initiative, the translation of legal texts from investment destination countries has become an inevitable requirement. Generative artificial intelligence provides significant support for translating these texts. Taking the "Vietnamese Labor Law" as an example, this article explores the mistranslation phenomena of AI in Vietnamese-Chinese translation practices, including mistranslation of keywords, inconsistency in translation, unnatural sentence structures, redundant expressions, and non-standard language styles. It proposes post-editing strategies such as terminology standardization, consistency editing, sentence restructuring, redundancy reduction, and language style correction. In the era of rapidly advancing AI translation capabilities, human translators should maintain a cooperative and competitive relationship with AI to enhance the efficiency and quality of translation output.

Keywords

AI translation; legal translation; Vietnamese-Chinese translation; post-editing

人工智能翻译法律文本的误译表现与译后编辑探析——以《越南劳动法》的越汉翻译为例

农慧珍 潘能梅*

广西民族师范学院, 中国·广西 崇左 532200

摘要

随着我国企业“走出去”战略和“一带一路”倡议的深入实施,翻译投资国法律文本成为必然需求,生成式人工智能能为译介这些文本提供极大支持。文章以《越南劳动法》为例,探讨人工智能在越汉翻译实践中的误译表现,包括关键词误译、译文前后不一致、句式不通顺、表述冗余和语体不规范,提出了术语标准化编辑、译文一致性编辑、句式重构编辑、冗余精简编辑、语体风格校正的译后编辑策略。在人工智能翻译能力不断跃升的时代背景下,人类译者应与人工智能保持竞合关系,以提高翻译产出的效率和质量。

关键词

人工智能翻译; 法律翻译; 越汉翻译; 译后编辑

1 引言

随着我国企业“走出去”战略和“一带一路”倡议的

【基金项目】大学生创新创业训练项目“译达中越翻译工作室”(项目编号: 202410604046X); 广西民族师范学院校级教学改革项目“应用型越南语本科专业专创融合教学模式的构建与实践”的成果(项目编号: JGYB202526)。

【作者简介】农慧珍,女,中国广西百色人,本科。

【通讯作者】潘能梅(1988-),女,中国广西北海人,博士,讲师,从事汉越互译及越南语言文化研究。

深入实施,各投资和管理者对投资对象国贸易、金融、税收、环境保护、劳动用工等法律的知晓成为迫切需求。了解并遵照对象国的法律法规进行合规经营,不仅有利于企业在对象国的立足发展,规避不必要的风险,而且有利于树立良好的企业形象,进而塑造积极正面的国家形象。因此,有学者提出,“可将我国重点投资国立法文本列入‘一带一路’参与国立法文本的重点译介行列,以相应提供真实可靠、切合实需的译本”。^[1]当下,生成式人工智能发展突飞猛进为译介这些立法文本提供了极大的支持。“生成式人工智能不仅能快速处理大量法律文本,还能根据上下文动态调整,显著提高译者的翻译效率和准确性,但法律文本的正式性和严谨性以及不同国家法律体系和文化背景的差异,亦使 AI 翻译

技术在处理该类文本时存在一定的局限,引发翻译、数据、技术和责任等伦理风险。”^[2]因此,人类译者在使用人工智能赋能法律文本的翻译时,为保证译文的产出质量,进行译后编辑是不可或缺的环节。

越南是我国在“一带一路”倡议中的重点投资国之一,据商务部的统计数据,2024年1月,我国企业在“一带一路”共建国家非金融类直接投资184.8亿元人民币,主要投向新加坡、越南、马来西亚、泰国、印度尼西亚等国家。来自越方的统计数据亦显示,2025年前7个月,在新获得越南投资许可的74个国家和地区中,新加坡为最大投资方,紧接着是中国。^[3]借助人工智能译介越南相关领域的法律法规将能有效提高译员的工作效率,减少工作量,更高效地服务在越投资经营的企业与个人。但目前对人工智能应用于翻译实践或译后编辑的研究主要集中于英语,且在法律领域的实践较为少见,而对于越语文本的翻译研究则更为鲜见,据笔者在中国知网的文献爬梳仅有《ChatGPT对译员的思考与启示——以越南语法律翻译为例》一文,作者以《越南技术转让法》为例,对比ChatGPT与其他机器翻译工具的译文,指出ChatGPT在专业术语翻译和语法理解方面仍有待改进^[4]。时至今日,人工智能赋能翻译实践仍有缺陷与不足已成为共识,研究者需要努力的方向是如何针对其误译表现进行有效的译后编辑,从而使人工智能能更好地服务翻译实践。鉴于英语和越语的差异性,及研究人工智能翻译越语法律文本的切实意义,笔者拟以《越南劳动法》^①的越汉翻译为例,以Deepseek为工具,探讨人工智能翻译越语法律文本的误译表现和译后编辑策略,以期为学界和商界提供些许参考与借鉴。

2 法律文本翻译的基本原则

无论是人类译者抑或是以人工智能辅助的法律文本翻译实践,都需把握法律文本的语言特点及翻译的基本原则,以指导译者或人机协同机制下的翻译实践。法律语言具有专业性、准确性、严谨性、庄重性的特点。^[5]在翻译法律文本时,应遵循“准确严谨、清晰简明、前后一致和语体规范”的原则。^[6]

2.1 准确严谨

“基于法律语言庄重、严谨等特点,准确严谨是法律翻译最基本的原则。”^[7]法律文本中术语、词汇表达的微小误译,都有可能使公众对法律的解读产生误解,从而产生纠纷或者酿成损失。在法律文本的越汉翻译中,尤其需要甄别越语文本中语义相近的词组和术语的准确含义,同时谙熟中国相应法律文本的内容,寻求精确、恰当的对译表达或进行合理创造。如“chấm dứt hợp đồng lao động”可以对应中国劳动法框架下的“终止劳动合同”和“解除劳动合同”,翻

译时应根据原文内容进行甄别,不可混淆和误译,因为在中文语境下两者的法律依据、条件与程序、经济补偿和法律后果均有不同。

2.2 清晰简洁

法律文本的翻译还须在准确严谨的基础上做到清晰简洁,这是由法律语言的

特殊性、法律文本的功能及法律实践的客观要求决定的。首先,清晰简洁的语言表述能体现法律语言的庄重与权威性。其次,法律文本涉及权利、义务、责任等具有强制力的内容,其核心功能是规范行为、解决争议,翻译时应优先传递法律效力而非语言形式。再者,司法实践需要快速提取信息,冗长的翻译会增加法律适用的时间成本,因此清晰简洁的表达十分重要。以《越南劳动法》的越汉翻译为例,若将“bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày”翻译为“劳动者的加班总时间数在一天当中不允许超过正常时间数的50%”则显得口语化且冗长,改译为“劳动者每日加班时间不得超过正常工时的50%”为佳。

2.3 前后一致

前后一致的原则是指在法律文本的翻译中,同一术语、短语或法律概念在全

文保持一致的译法。因为“译文不统一,概念信息前后混乱,将直接影响译文读者对法律概念的理解和对法律条文的解释,损害法律翻译的庄严性”。^[8]如《越南劳动法》中的“người sử dụng lao động”应按译入语的法律称谓统一译为“用人单位”,若前译“用人单位”,后译“雇主”,则可能混淆法律主体;又如,“tiền lương”应统一译为“工资”,而不能时而译“工资”,时而译“报酬”,如“tiền lương tối thiểu”译为“最低劳动报酬”则可能扩大了所指的范围,降低了劳动者的收入所得,因为报酬可能含奖金,但工资仅指基本薪资。

2.4 语体规范

语体规范包括语言和文体两方面,指翻译时依照译入语的表述规则遣词和行文,以维护法律的正式、严谨与庄严性。在法律条文的汉英翻译中,邱大平等指出,译者应善于借用英美国家法律中的常用表达来译汉语里的相关法律概念。^[9]周珊珊、刘法公亦认为,译文句法的表述应模仿英语国家相关法律的句法表达,以进一步缩小法律翻译中英汉两种语言范式之间的差异性。^[10]对于越汉翻译实践,上述原则与方法同样适用。如在《越南劳动法》的汉译中,情态动词的表达应遵循中国相关劳动法律的表述习惯,译为“应当”、“必须”等,不应随意增减字眼为“应”或者“须”,亦不能任意降低祈使程度,如将“不得”表述为“不能”,“必须”表述为“需”等;又如,中文的句式表达多使用短句和主动句式,越南则多用长句和被动句式,在越汉翻译中应适时调整以符合译入语的语体表达习惯。

① 本文选取的分析文本为2019年11月20日越南国会通过,2021年1月1日生效的版本,详见越南政府门户网站, <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=198540>。

3 人工智能翻译法律文本的误译表现

为获得人工智能翻译法律文本的表现，笔者事先训练 Deepseek 学习了法律文本翻译的原则，后将《越南劳动法》上传至 Deepseek，向其发出“将其翻译成中文，注意遵循法律文本翻译原则”的指令，获取 Deepseek 的汉译文本。校审译文后笔者发现，尽管 Deepseek 在翻译效率上有了质的提升，且具备深度学习能力，在术语翻译、句式和文体表述方面比传统的机器翻译表现得更为卓越，但翻译质量并不稳定，依然出现关键词误译、译文前后不一致、句式不通顺、表述冗余、语体不规范的偏差。

3.1 关键词误译

由于缺乏法律领域的高质量越汉对齐文本，训练数据中不专业或非法律文体表述的内容会被 AI 学习并应用于翻译实践，从而导致关键词误译。如例 1 除了其他误译外，“nội quy lao động”直译为“劳动内规”即属于关键词误译，违反了法律文本翻译严谨准确的原则。

例 1 Điều 119 4 Người sử dụng lao động có các chi nhánh, đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh đặt ở nhiều địa bàn khác nhau thì gửi nội quy lao động đã được đăng ký đến cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

第 119 条 第 4 款 若雇主在不同地区设有分支机构、生产或经营单位，必须将已登记的劳动内规送交分支机构/单位所在地的省级人民委员会所属劳动主管部门。

3.2 译文前后不一致

人工智能翻译是基于训练数据库学习的模式，为每个句子计算可能的译文及其概率，从而选择概率最高者。同一个词语或短语即使在文中重复出现，但模型将其处理为新句子并重新进行概率计算，就可能出现译文前后不一的情况。其次，人工智能处理长文本时，受限于“上下文窗口”，若同一个词语的译文超出了“上下文窗口”之限，人工智能则无法捕捉此前对这个词语的译文而重新生成新的翻译，从而使译文前后不一。此外，用于训练人工智能的来源数据本身存在的大量不一致亦会导致译文的不统一。

例 2 Điều 41 1 Sau khi được nhận lại làm việc, người lao động hoàn trả cho người sử dụng lao động các khoản tiền trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm nếu đã nhận của người sử dụng lao động.

第 41 条 第 1 款 劳动者复工后，应当向用人单位返还已领取的离职补助金或失业补助金。

Điều 43 3 Người lao động bị thôi việc thì được nhận trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật này.

第 43 条 第 3 款 被解雇的劳动者有权根据本法第四十七条的规定领取失业津贴。

如例 2 所示，第 41 条第 1 款和第 43 条第 3 款出现的“trợ cấp mất việc làm”先后被译为“失业补助金”和“失

业津贴”，违反了法律文本翻译同一术语译文前后一致的原则。再如例 3 中，第 21 条及第 161 条中“Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội”的译文不同，亦违反了单名单译，译文前后一致的原则。

例 3 Điều 21 5 Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chi tiết khoản 1, 2 và 3 Điều này.

第 21 款 第 5 条 劳动荣军与社会部部长规定本条第一款、第二款和第三款的详细信息。

Điều 160 Sử dụng người lao động là người khuyết tật làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành mà không có sự đồng ý của người khuyết tật sau khi đã được người sử dụng lao động cung cấp đầy đủ thông tin về công việc đó.

第 160 条 禁止在使用残疾人劳动时实施以下行为：在用人单位已充分提供相关工作信息后，未征得残疾人同意的情况下，安排残疾人从事劳动与社会事务部部长颁布的重体力、有毒有害或危险工种目录内的工作。

3.3 句式不通顺

越语法律文本多使用长句，具有复杂的逻辑结构，可能同时包含时间、条件、

目的状语或嵌套多重定语，人工智能处理此类句子时显得力不从心，无法像人类译者一样准确地进行理解和逻辑重组，导致输出的译文句式不通顺。如例 4 的法律条文具有多重定语，人工智能在识别 hoặc 之前的分句时未能厘清句子主干，误译为“参与谈判的各方可以请求参与省级人民政府”，与原文意思不符；又如例 5 译文的最后一个分句中“该地区”为误译，如此则顺承指上一句中从事“特别繁重、有毒有害或危险职业的地方”，但原文的意思则是在“享有 0.7 及以上地区津贴系数的地方”，对句子结构理解错误导致该句句式逻辑有误，句子不通顺；再如例 6 中，译文“从事正常劳动条件的劳动者”有明显的搭配不当的失误。

例 4 Điều 73 1 Trên cơ sở đồng thuận, các bên thương lượng tập thể có nhiều doanh nghiệp tham gia có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của các doanh nghiệp tham gia thương lượng hoặc nơi do các bên lựa chọn trong trường hợp các doanh nghiệp tham gia thương lượng có trụ sở chính tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập Hội đồng thương lượng tập thể để tiến hành thương lượng tập thể.

第 73 条 第 1 款 经协商一致，参与多企业集体谈判的各方，可请求参与谈判企业的总部注册地省级人民政府；若企业总部位于多个中央直辖市或省份，则可请求各方共同选定地的省级人民政府成立集体谈判委员会，以开展集体谈判。

例 5 Điều 54 1 b) Đủ tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 169 của Bộ luật Lao động và có đủ 15 năm làm nghề, công việc

nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021;

第 54 款 第 1 条 b) 达到《劳动法》第 169 条第 3 款规定年龄, 且从事劳动与社会部颁布的繁重、有毒有害或危险职业目录内工作满 15 年, 或从事特别繁重、有毒有害或危险职业满 15 年, 包括 2021 年 1 月 1 日之前在该地区享有 0.7 及以上地区津贴系数的工作时间。

例 6 Điều 113 1 Người lao động làm việc đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động như sau: 12 ngày làm việc đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường;

第 113 条 第 1 款 劳动者为同一用人单位工作满 12 个月的, 可享受带薪年假, 休假天数按劳动合同约定工资标准支付, 具体如下:

从事正常劳动条件的劳动者: 12 个工作日;

3.4 表述冗余

如前所述, 人工智能翻译是基于统计概率的词语映射, 其追求的是覆盖原文的所有词汇和结构, 因此对一些冗余成分机械直译, 未能取舍和简化, 导致译文表述重复啰嗦, 违反了法律翻译清晰简洁的原则。如例 7 中的“《劳动法》”实指该部法律本身, 可译为“本法”; 例 8 中“参与谈判企业”可合并, 同时作为“全体劳动者”和“劳动者代表组织领导层全体成员”的定语。此外, 如例 9 划线处所示, 表述口语化也会导致译文累赘冗余。

例 7 Điều 54 1 c) Người lao động có tuổi thấp hơn tối đa 10 tuổi so với tuổi nghỉ hưu của người lao động quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động và có đủ 15 năm làm công việc khai thác than trong hầm lò;

第 54 条 第 1 款 c) 劳动者年龄比《劳动法》第 169 条第 2 款规定的退休年龄最多低 10 岁, 且具有 15 年井下采煤工作经历;

例 8 Điều 76 2 Đối với thỏa ước lao động tập thể có nhiều doanh nghiệp, đối tượng lấy ý kiến bao gồm toàn bộ người lao động tại các doanh nghiệp tham gia thương lượng hoặc toàn bộ thành viên ban lãnh đạo của các tổ chức đại diện người lao động tại các doanh nghiệp tham gia thương lượng. Chỉ những doanh nghiệp có trên 50% số người được lấy ý kiến biểu quyết tán thành mới tham gia ký kết thỏa ước lao động tập thể có nhiều doanh nghiệp.

第 76 条 第 2 款 对于多企业集体劳动协议, 征求意见对象包括参与谈判企业的全体劳动者, 或参与谈判企业的劳动者代表组织领导层全体成员。只有获得超过 50% 被征求

意见者表决赞成的企业, 方可签署该多企业集体劳动协议。

例 9 Điều 29 4. Người lao động không đồng ý tạm thời làm công việc khác so với hợp đồng lao động quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong 01 năm mà phải ngừng việc thì người sử dụng lao động phải trả lương ngừng việc theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật này.

第 29 条 第 4 款 劳动者不同意在一年内累计超过 60 个工作日临时从事与劳动合同约定不同的工作而必须停工的情况下, 用人单位应按照《劳动法》第九十九条的规定支付停工工资。

3.5 语体不规范

语体规范是翻译法律文本时应遵循的原则之一, 但由于缺乏高质量的汉越双语法律语料库, 人工智能在翻译越语法律文本时便选择通用语进行遣词造句, 有违法律文本翻译语体规范的原则。在《越南劳动法》的越汉翻译中, 语体不规范具体体现在用词不规范、句式不规范和时态不符合译入语的表达习惯。

3.6 用词不规范

用词不规范指在翻译法律文本时, 人工智能未能模仿译入语同类法律文本的用词, 而使用通用用词进行译文表述。如在《中国劳动法》中, 情态动词表述为“可以”、“应当”、“必须”、“禁止”、“不得”等, 在《越南劳动法》汉译时, 相应的情态动词应参照《中国劳动法》的表述, 而非随意增减字眼或使用近义词替代。如例 10 译文中的“可”应表述为“可以”, 例 11 的“应”应该表述为“应当”。

例 10 Điều 112 1 Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương trong những ngày lễ, tết sau đây; 第 112 条 第 1 款 劳动者可享受以下带薪法定节假日。……

例 11 Điều 181 3 Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động có trách nhiệm chuyển yêu cầu đến hòa giải viên lao động đối với trường hợp bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải lao động, chuyển đến Hội đồng trọng tài trong trường hợp yêu cầu Hội đồng trọng tài giải quyết hoặc hướng dẫn gửi đến Tòa án để giải quyết.

劳动争议受理机构应在 5 个工作日内, 根据争议类型履行以下义务: 对于必须进行劳动调解的案件, 将申请材料转交劳动调解员; 若申请提交劳动仲裁委员会处理, 则转交仲裁委员会; 或指导当事人向法院提起诉讼。

3.7 句式不规范

人工智能翻译法律文本的句式不规范指其未能模仿译入语的句式表达进行翻译, 而选择通用句式。如例 12 所示, 越语文本中的条件状语从句“… thì…”, 人工智能多译为“若……, 则……”, 而非参照《中国劳动法》表述为“……的, ……”。

例 12 Điều 190 4 Trường hợp người yêu cầu chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan hoặc lý do

khác theo quy định của pháp luật mà không thể yêu cầu đúng thời hạn quy định tại Điều này thì thời gian có sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan hoặc lý do đó không tính vào thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân.

第190条第4款 若申请人能够证明因不可抗力事件、客观障碍或其他法律规定的原因而无法在规定期限内提出请求的,则存在不可抗力事件、客观障碍或该等原因的期间不计入个人劳动争议解决的请求时效。

再如,如例13所示,“...trừ trường hợp”人工智能将其译为“除非”,而非借鉴《中国劳动法》译为“……的除外”。

例13 169 3 Người lao động bị suy giảm khả năng lao động; làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn nhưng không quá 05 tuổi so với quy định tại khoản 2 Điều này tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

第169条第3款 劳动能力衰退者,从事特别繁重、有毒有害或危险工种者,以及在经济社会条件特别困难地区工作的劳动者,可提前退休,但退休时年龄不得超过本条第二款规定年龄的五岁上限,除非法律另有规定。

3.8 时态不符合译入语的表达习惯

越语法律文本多使用被动语态,以强化所述事情的客观性与公正性,汉语则惯于使用主动语态以强化人的主观努力和对事物的积极操控。在法律文本的越汉翻译实践中,应将被动语态转换为主动语态,以符合译入语的表述习惯,但人工智能在处理此类句式时,如例14所示,仍不能灵活变被动句式为主动句式。

例14 Điều 45 2 Trường hợp người sử dụng lao động không phải là cá nhân bị cơ quan chuyên môn về đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo không có người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Bộ luật này thì thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động tính từ ngày ra thông báo.

第45条第2款 若用人单位(非个人)被省级人民代表大会常务委员会所属工商登记主管机关根据本法第三十四条第7款规定,发出关于无法定代表人或授权代表履行法定代表权利义务的通知,则劳动合同终止时间自该通知发出之日起计算。

4 人工智能翻译法律文本的译后编辑策略

“译后编辑是指翻译人员改进机器生成的翻译结果,针对其中的语法错误、语义不当、复杂句式的逻辑、结构错误等进行调整与修订,是人机协调共同达到翻译规范的一种行为。”^[11]当前,“尽管机器翻译技术已经取得了很大进步,但是其整体质量水平仍然有待提高,尚达不到完全替代译员

的程度。”^[12]“在相当长的时间内,机器翻译+译后编辑仍将是人机结合的主流工作模式”。^[13]具体到法律翻译语域,针对人工智能翻译法律文本存在关键词误译、译文前后不一致、句式不通顺、表述冗余、语体不规范等失误,需要人类译者介入进行术语标准化编辑、译文一致性编辑、句式重构编辑、冗余精简编辑、语体风格校正等工作。

4.1 术语标准化编辑

术语标准化编辑是针对人工智能在法律翻译实践中出现关键词误译进行的译后编辑。译者可以逐句检查译文,发现关键词误译可手动改正,如果文本中多次出现这一关键词误译,则可使用查找替换功能进行批量修改;此外,还可以通过向人工智能提供术语库并下达指令使其修改,这一方法需要人类译者准备越汉法律术语库,将其编辑为最简洁的格式,即“源语—目标术语”,接着将术语库内容和清晰的指令粘贴至 Deepseek 对话框中,如“请严格遵照下列提供的术语库将文本翻译成汉语。术语库中已定义的术语,必须严格采用,不允许有任何同义替换或创造性翻译”。在前文例1中,经过术语标准化编辑,“nội quy lao động”应改译为“劳动规章制度”。

4.2 译文一致性编辑

译文一致性编辑是针对译文前后不一致的失误而进行的译后编辑策略。进行译文一致性编辑的前提是已经发现同一法律术语存在前后翻译不一致的情况,这可以通过人类译者逐句审读校对识别,亦可以通过人工智能实现。如借助 Deepseek 进行检查时,可向其发送指令,“请严格检查以下中文法律译文,重点审核术语的前后一致性。”接着粘贴待检查的译文,最后向 Deepseek 提出操作要求:“1. 找出文中同一术语存在两种以上不同译法的地方;2. 为每一处不一致提供修改建议,指明应统一为哪个术语。”如果人类译者怀疑某个特定术语不一致,亦可以直接提问,以前文例2“trợ cấp mất việc làm”为例,译者可以输入以下提示词:“在以下文本中,‘trợ cấp mất việc làm’这个术语出现了多种翻译,请找出其所出现的地方,并告诉我它们分别被译成了什么,根据上下文,我应该统一为哪一译法最为合适?”。经由上述操作,结合 AI 提示,“trợ cấp mất việc làm”应统一为“失业补助金”,“补助金”强调临时性或救助性的资金支持,通常是一次性的,与法律条文所指相符,而“津贴”则指长期发放的津贴,如“岗位津贴”、“交通津贴”。例3中的“Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội”应统一译为“劳动荣军与社会部”,“荣军”贴切地表达了“thương binh”的含义,彰显了为国牺牲的褒义色彩,这也是中国主流官方媒体报道时使用的词汇,具有权威性和认可度。

4.3 句式重构编辑

当译文结构混乱、成分搭配不当时,需要对译文句式进行重构编辑。译者可人工识别和纠正所发现的句式不通顺的译文,如在例4中,译者可直接将有误的译文修改为“可

以请求各谈判企业总部注册地的省级人民政府参与”，例5的译文修正为“在经济社会条件特别困难的地区工作满15年，包括2021年1月1日之前在享有0.7及以上地区津贴系数地方工作的时间”。除人类译者直接处理外，亦可借助人工智能，向其发送修改指令，获取参考译文。如在例6中，可向Deepseek发送“‘从事正常劳动条件的劳动者’搭配不当，修改这句译文，使其搭配得当”的指令，根据AI的提示，可将其修正为“在正常劳动条件下工作的劳动者”。

4.4 冗余精简编辑

冗余精简编辑是对译文表述繁杂或口语化进行的译后编辑，可人工修正或向

AI发送指令获取参考译文。如在例7中用“本法”替换“《劳动法》”，例8修正为“征求意见对象包括参与谈判企业的全体劳动者或劳动者代表组织领导层全体成员”，例9则应删除表述口语化的成分“的情况下”，改为“劳动者不同意在一年内累计超过60个工作日临时从事与劳动合同约定不同的工作而必须停工的，用人单位应当按照《劳动法》第99条的规定支付停工工资。”

4.5 语体风格校正

语体风格校正是针对不符合译入语法律文本表述习惯的译文进行的译后编辑，包括用词不规范、句式不规范和时态不符合译入语的表达习惯。对于程式化的错误，译者可用查找替换功能批量修改，如例10以“可以”替换“可”，例11以“应当”替换“应”。对于大量出现的句式不规范和时态不符合译入语表达习惯的错误，除人工修正外，译者可以使用人工智能进行识别和改正，如针对例12的错误，可向Deepseek发送指令，请识别含有“若”“则”的译文，将其改为“的”。如此，该例可改为“申请人能够证明因不可抗力事件、客观障碍或法律规定的其他原因而无法在规定时间内提出请求的，不可抗力事件、客观障碍或其他原因存在的时间不计入个人劳动争议解决的时效期限。”同理，例13的译文可修正为“劳动能力衰退、从事特别繁重、有毒有害或危险工种以及在经济社会条件特别困难地区工作的劳动者，可以提前退休，但退休时年龄不得低于本条第2款规定的年龄5岁，法律另有规定的除外。”

5 结语

本文以《越南劳动法》的越汉翻译为例，探讨人工智

能在翻译法律文本实践中的误译表现并提出了对应的译后编辑策略，可见人工智能在法律翻译实践中能助力译者提高翻译效率，虽仍有误译，但其能持续根据人工译者的指令修正译文，与传统的机器翻译相比有着更为卓越的表现，因此，未来人机耦合，协调合作将是法律翻译领域的发展趋势。在人工智能翻译发展不断更新迭代、能力持续跃升的背景下，人类译者应与人工智能保持“竞合”关系，既能利用人工智能服务于翻译实践，又能对其译文进行判别和译后编辑，提高翻译产出的效率与质量。

参考文献

- [1] 屈文生.“一带一路”国家立法文本的翻译——国家需求、文本选择与等效原则[J], 外语与外语教学,2020,(6):5.
- [2] 王华树.生成式AI翻译技术在法律翻译中的伦理风险研究[J], 甘肃政法大学学报, 2025,(1): 3.
- [3] Báo Nhân Dân, Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh, [DB/OL]https://nhandan.vn/von-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-vao-viet-nam-tiep-tuc-tang-truong-manh-post899074.html, ngày 7 tháng 8 năm 2025.
- [4] 杨锋昌.ChatGPT对译员的思考与启示, 中国科技翻译[J], 2023,36(3):27-30.
- [5] 彭洁.法律翻译中的语义不对等与语义补充, 红河学院学报[J], 2023,21(3):120.
- [6] 张法连.法律文体翻译基本原则探究, 中国翻译[J], 2009,(5): 72.
- [7] 张法连.英美法律术语汉译策略探究, 中国翻译[J], 2016,(2): 100.
- [8] 刘法公.论实现法律术语汉英译名统一的四种方法, 中国翻译[J], 2013,(6):82.
- [9] 邱大平, 陈佑林.《中华人民共和国仲裁法》英译问题探析, 中国科技翻译[J], 2017,30(1):31.
- [10] 周珊珊, 刘法公.《中华人民共和国领海及毗连区法》英译探析, 中国科技翻译[J], 2022,35(3):35.
- [11] 陈吉荣.人工智能语境中译后编辑的内涵、实践与影响因素, 重庆第二师范学院学报[J], 2025,2(38):35.
- [12] 王华树, 陈涅槃.中国语言服务企业机器翻译与译后编辑应用调查研究》,北京第二外国语学院学报[J], 2021,(5):32.
- [13] 范梓锐, 杨文地.人机耦合时代机器翻译译后编辑原则与策略例析, 上海翻译[J], 2024,(4):33.